



## S01E03 Restaurant

1. I want this.

Wǒ yào zhège.

我要这个。

2. I don't eat meat / pork / fish / spicy food.

Wǒ bùchī ròu / zhūròu / yú / là.

我不吃肉 / 猪肉 / 鱼 / 辣。

3. Check, please.

Mǎi dān.

买单。





## Words:

1.	我	wǒ	pron	I, me
2.	要	yào	verb	want
3.	这个	zhège	pron	this
4.	不吃	bùchī		don't eat
5.	肉	ròu	noun	meat
6.	猪肉	zhūròu	noun	pork
7.	鱼	yú	noun	fish
8.	辣	là	adj	spicy
9.	买单	mǎidān		Check, please.
10.	买	mǎi	verb	to buy
11.	单	dān	noun	bill
12.	老板	láobǎn	noun	boss

## Music:

- |                                |                   |
|--------------------------------|-------------------|
| 1. 青花瓷 ( <i>Qīng huā cí</i> )  | 周杰伦 (Jay Chou)    |
| 2. 花田错 ( <i>Huā tián cuò</i> ) | 王力宏 (Leehom Wang) |
| 3. 蝴蝶 ( <i>Hú dié</i> )        | 胡彦斌 (Anson Hu)    |

## Contact us:

Email: hjChinese@hujiang.com

QQ: 251646859

Skype: jijizhazhachinese

